

**CÔNG TY CỔ PHẦN
HÀNG TIÊU DÙNG MASAN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: ~~AAA~~.../2025/CV-MSC

TP. Hồ Chí Minh, ngày ~~31~~ tháng ~~12~~ năm 2025

V/v Cập nhật nội dung sau tự công bố

Kính gửi: **Sở An Toàn Thực Phẩm Thành phố Hồ Chí Minh**

Lời đầu tiên, Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (Công ty) trân trọng gửi lời cảm ơn đến sự hỗ trợ của Sở An Toàn Thực Phẩm Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian qua.

Công ty chúng tôi là doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm **THỰC PHẨM BỔ SUNG – NƯỚC TĂNG LỰC COMPACT HƯƠNG VỊ LỰU** theo Bản tự công bố sản phẩm số: 136/MS/2025 (“TCB”) đã được Công ty tự công bố theo trình tự tại Điều 5 Nghị định 15/2018/NĐ-CP hướng dẫn Luật An toàn thực phẩm.

Bằng văn bản này, theo khoản 4 Điều 5 Nghị định 15/2018/NĐ-CP, chúng tôi thông báo cập nhật thông tin tại Phụ lục Danh mục chỉ tiêu và Mức công bố (đính kèm Phụ lục Danh mục chỉ tiêu và mức công bố).

Công ty cam kết chất lượng sản phẩm và các thông tin: tên sản phẩm, xuất xứ, thành phần cấu tạo giữ nguyên không đổi so với hồ sơ tự công bố.

Chân thành cảm ơn Quý cơ quan hỗ trợ tiếp nhận và lưu trữ thông tin sản phẩm, tạo điều kiện cho Công ty sản xuất kinh doanh phục vụ người tiêu dùng.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu R&D, VT.



Nguyễn Công Hoàn

Phụ lục
DANH MỤC CHỈ TIÊU VÀ MỨC CÔNG BỐ

Đính kèm bản Tự công bố số 136/MSC/2025

Theo Công văn số 141/2025/CV-MSC

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN	NHÓM SẢN PHẨM ĐỒ UỐNG KHÔNG CÒN	Số TCCS 20:2025/MS103
	THỰC PHẨM BỔ SUNG – NƯỚC TĂNG LỰC COMPACT HƯƠNG VỊ LỰU	Có hiệu lực từ kể từ ngày hoàn tất thủ tục tự công bố và/hoặc thủ tục thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Dạng lỏng, trong, không lắng cặn.
- Màu: Màu đỏ đặc trưng.
- Mùi, vị: Mùi thơm đặc trưng, vị hài hòa, không có vị lạ.

2. Các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu: theo tiêu chuẩn nhà sản xuất

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Giá trị năng lượng/ <i>Energy</i>	kcal/100 ml	34 – 62
2	Hàm lượng carbohydrat/ <i>Carbohydrate</i>	g/100 ml	9,6 – 14,4
3	Hàm lượng đạm/ <i>Protein</i>	g/100 ml	≤ 0,5
4	Hàm lượng chất béo/ <i>Total fat</i>	g/100 ml	≤ 0,5
5	Hàm lượng đường tổng số/ <i>Total sugars</i>	g/100 ml	8 – 14
6	Hàm lượng natri/ <i>Sodium</i>	g/100 ml	≤ 60
7	Hàm lượng caffeine	mg/ L	140 – 260
8	Hàm lượng vitamin B3 (nicotinamid) (*)	mg/ L	8,2 – 21,8
9	Hàm lượng vitamin B6 (pyridoxin hydroclorid) (*)	mg/ L	1,2 – 3,4
10	Hàm lượng vitamin B12 (cyanocobalamin) (*)	µg/ L	≥ 1,6

(*) Mức đáp ứng Lượng dùng khuyến cáo hàng ngày cho người Việt Nam (RNI) được tính toán chi tiết ở mục 6.

Bản tự công bố này được đăng tải tại website: <https://www.masanconsumer.com/>

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.

3. **Các chỉ tiêu vi sinh vật:** theo QCVN 6-2:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn, ban hành kèm Thông tư số 35/2010/TT-BYT ngày 02 tháng 06 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế):

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/ml	10 ²
2	Coliforms	CFU/ml	10
3	<i>Escherichia coli</i>	CFU/ml	Không có
4	<i>Streptococci faecal</i>	CFU/ml	Không có
5	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	CFU/ml	Không có
6	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/ml	Không có
7	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/ml	Không có
8	Tổng số nấm men và nấm mốc	CFU/ml	10

4. **Hàm lượng kim loại nặng:** theo QCVN 6-2:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn, ban hành kèm Thông tư số 35/2010/TT-BYT ngày 02 tháng 06 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế):

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng chì (Pb)	mg/L	0,05

5. **Danh mục phụ gia thực phẩm:** tuân thủ theo Thông tư số 24/2019/TT-BYT ngày 30 tháng 8 năm 2019 Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm và Thông tư số 17/2023/TT-BYT ngày 25 tháng 9 năm 2023 Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm cho nhóm cho nhóm 14.1.4 Đồ uống hương liệu, bao gồm đồ uống “thể thao”, “năng lượng” hoặc “điện giải” và các đồ uống đặc biệt khác:

TT	Tên phụ gia	Chú thích
1	Carbon dioxyd (290)	
2	Acid citric (330)	
3	Trinatri citrat (331(iii))	
4	Acid malic (DL-) (296)	
3	Natri benzoat (211)	Tính theo acid benzoic
5	Acesulfam kali (950)	
6	Sucralose (Trichlorogalacto sucrose) (955)	
7	Pectin (440)	
8	Allura red AC (129)	
9	Calci dinatri etylendiamintetraacetat (385)	Tính theo calci dinatri etylendiamintetraacetat khan
10	Hương liệu (tổng hợp, giống tự nhiên)	

17440
 IG TY
 PHẦN
 ỨU DÙ
 SÁN
 TP. HỒ C

(Handwritten signature)

6. Mức đáp ứng RNI của các vitamin: Tính toán theo số liệu Bảng nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị cho người Việt Nam theo quy định của pháp luật.

TT	Tên chỉ tiêu	Mức công bố trong 1 lít sản phẩm	Lượng tiêu thụ khi dùng 330 ml sản phẩm (**)	Mức đáp ứng RNI, %			
				Nam trưởng thành 19 - 50 tuổi	Nam trưởng thành > 51 tuổi	Nữ trưởng thành 19 - 50 tuổi	Nữ trưởng thành > 51 tuổi
1	Hàm lượng vitamin B3	(8,2 – 21,8) mg	(2,706 – 7,194) mg	16,91 – 44,96	16,91 – 44,96	19,33 – 51,39	19,33 – 51,39
2	Hàm lượng vitamin B6	(1,2 – 3,4) mg	(0,396 – 1,122) mg	30,46 – 86,31	23,29 – 66,00	30,46 – 86,31	26,40 – 74,80
3	Hàm lượng vitamin B12	≥ 1,6 µg	≥ 0,528 µg	≥ 22,0	≥ 22,0	≥ 22,0	≥ 22,0

$$(**) \text{ Lượng tiêu thụ khi dùng 330 ml sản phẩm} = \frac{\text{Mức công bố x 330}}{1000}$$

$$\text{Mức đáp ứng} = \frac{\text{Lượng tiêu thụ khi dùng 330 ml sản phẩm x 100}}{\text{Lượng dùng khuyến cáo hàng ngày cho người Việt Nam cho người trưởng thành}}$$

Lượng dùng khuyến nghị: 1 chai 330 ml/ngày.

Bản tự công bố này được đăng tải tại website: <https://www.masanconsumer.com/>
 Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan ("Công ty"), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.



(Handwritten signatures)